

Số: 27/2020/QĐST-HNGĐ

B, ngày 10 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ  
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2020/TLST - HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa:

\* Nguyên đơn: Chị Dương Thị Ánh T. Sinh năm 1994.

\* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N. Sinh năm 1994.

Đều trú tại: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Dương Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

\* *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Dương Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn N thuận tình ly hôn.

\* *Về con chung*: Chị Dương Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn N có 01 con chung là Nguyễn Thành Đ sinh ngày 22/3/2014, con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Sau ly hôn anh N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*) mỗi tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Việc thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

*“Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*

*Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự”.*

Khoản 1 Điều 468/BLDS: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác”.*

\* *Về tài sản chung:* Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Về vay nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Về án phí:* Chị Dương Thị Ánh T tự nguyện chịu 150.000<sup>d</sup> (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm đồng thời phải chịu 150.000<sup>d</sup> (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 08757 ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Anh Nguyễn Văn N không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND H. B;
- Dương sự;
- UBND xã Q;
- Chi cục THADS H. B;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu HSVA;
- Lưu VP;

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Triệu Thị Huyền**